

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổn g % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	TL	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Truyện ngụ ngôn Thơ Văn bản nghị luận	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong trò chơi hay hoạt động	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương / Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến	Mức độ đánh giá		Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
					Nhận	Thôn	Vận	Vận

		thức		biết	g hiểu	dụng	dụng cao
1	Độc hiểu	Truyện ngụ ngôn	Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản. - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện. - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn. - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ). Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu. - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết	3 TN	5TN	2TL	

			và mạch lạc trong văn bản. Vận dụng: - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm. - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm.				
2	Viết	Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng				1TL*
Tổng				3 TN	5TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Môn Ngữ văn lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc kĩ phần văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

RÙA VÀ THỎ

Trời mùa thu mát mẻ. Trên bờ sông, Rùa đang cố sức tập chạy. Thỏ trông thấy liền mĩa mai Rùa:

- Đồ chậm như sên. Mà mà cũng đòi tập chạy à ?

- Anh đừng giễu tôi. Anh với tôi thử chạy thi, coi ai hơn ?

Thỏ vênh tai tự đắc:

- Được, được! Dám chạy thi với ta sao ? Ta chấp mi một nửa đường đó.

Rùa không nói gì. Nó biết mình chậm chạp, nên có sức chạy thật nhanh. Thỏ nhìn theo mỉm cười. Nó nghĩ : Ta chưa cần chạy vội, đợi Rùa gần đến đích ta phóng cũng vừa. Nó nhón nhó trên đường, nhìn trời, nhìn mây. Thỉnh thoảng nó lại nhăm nháp vài ngọn cỏ non, có vẻ khoan khoái lắm.

Bỗng nó nghĩ đến cuộc thi, ngẩng đầu lên thì đã thấy Rùa chạy gần tới đích. Nó cảm cố chạy miết nhưng không kịp nữa. Rùa đã tới đích trước nó.

(Câu chuyện Rùa và Thỏ, Theo truyện La Phong-ten)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Truyện *Rùa và Thỏ* thuộc thể loại nào?

- A. Truyền thuyết
- B. Thần thoại
- C. Truyện cổ tích
- D. Truyện ngụ ngôn

Câu 2. Nhân vật chính trong truyện *Rùa và Thỏ* là ai?

- A. Rùa
- B. Thỏ
- C. Rùa và Thỏ
- D. Sên

Câu 3. Thỏ chế giễu Rùa như thế nào?

- A. Bảo Rùa là chậm như sên.
- B. Bảo Rùa thử chạy thi xem ai hơn .
- C. Bảo Rùa “Anh đừng giễu tôi”
- D. Bảo Rùa là đồ đi cả ngày không bằng một bước nhảy của Thỏ.

Câu 4. Vì sao có cuộc chạy thi giữa Rùa và Thỏ?

- A. Rùa thích chạy thi với Thỏ
- B. Thỏ thách Rùa chạy thi
- C. Thỏ chê Rùa chậm chạp khiến Rùa quyết tâm chạy thi.
- D. Rùa muốn thách Thỏ chạy thi với mình.

Câu 5. Vì sao Thỏ thua Rùa?

- A. Rùa chạy nhanh hơn Thỏ.
- B. Rùa cố gắng còn Thỏ chủ quan, coi thường Rùa.
- C. Rùa dùng mưu mà Thỏ không biết.
- D. Rùa vừa chạy vừa chơi mà vẫn tới đích trước.

Câu 6: Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu “Đồ chậm như sên.”

- A. Nhân hóa
- B. Ẩn dụ
- C. So sánh
- D. Điệp ngữ

Câu 7. Truyện *Thỏ và Rùa* phê phán điều gì?

- A. Phê phán những người lười biếng, khoe khoang.
- B. Phê phán những người lười biếng khoe khoang, chủ quan, kiêu ngạo.
- C. Phê phán những người chủ quan, ích kỉ.
- D. Phê phán những người coi thường người khác.

Câu 8. Hậu quả của thái độ chủ quan, kiêu ngạo của Thỏ là gì?

- A. Thỏ đi học muộn.
- B. Thỏ thua Rùa, bị mọi người cười nhạo.
- C. Thỏ cắm cổ chạy, bị ngã.
- D. Thỏ mãi mê bắt bướm, quên đường về.

Trả lời câu hỏi /Thực hiện yêu cầu:

Câu 9. Qua câu chuyện trên em rút ra được bài học gì?

Câu 10. Em có nhận xét gì về nhân vật Thỏ qua câu nói: “*Dám chạy thi với ta sao? Ta chấp mi một nửa đường đó*”.

II. LÀM VĂN (4.0 điểm)

Viết một bài văn trình bày ý kiến của em về vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 6

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
1		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	C	0,5
	3	A	0,5
	4	C	0,5
	5	B	0,5
	6	C	0,5
	7	B	0,5
	8	B	0,5
	9	Bài học: chậm mà kiên trì sẽ chiến thắng nhanh	1

		mà chủ quan kiêu ngạo. Chỉ cần chúng ta kiên trì chắc chắn thì sẽ thành công.	
	10	Qua câu nói trên ta nhận thấy Thỏ là kẻ kiêu căng ngạo mạn, chủ quan, coi thường người khác.	1
II		VIẾT	4.0
		a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận..</i> Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.	0,25
		b. <i>Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> <i>Nghị luận vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.</i>	0,25
		c. Nghị luận về hiện tượng đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy. Học sinh có thể nghị luận theo nhiều các khác nhau nhưng vẫn đảm bảo được các yêu cầu sau:	
		- Nêu vấn đề cần nghị luận: <i>Vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.</i> - Người viết tán thành ý kiến đã nêu. - Sử dụng lí lẽ. + <i>Đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông là việc làm rất đúng đắn vì.....</i> - Nêu bằng chứng : xác thực (số liệu....) - Kết hợp lí lẽ với bằng chứng - Khẳng định lại sự tán thành ý kiến.	2,5
		d. <i>Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt	0,5
		e. <i>Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lí lẽ thuyết phục, dẫn chứng xác thực.	0,5

